UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 186 /KH-SNNMT

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 02/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 02/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030 *(sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 173/KH-UBND)*, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Kế hoạch số 173/KH-UBND.

- Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các phòng, đơn vị trực thuộc để có sự phối hợp đồng bộ tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ trong kế hoạch đã đề ra.

- Các nội dung trong kế hoạch phải đảm bảo bám sát quan điểm, định hướng, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số 173/KH-UBND.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nhằm thực hiện đầy đủ, hoàn thành đúng tiến độ, đạt chỉ tiêu các nội dung, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao ngành Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu năm 2026: Tổng sản lượng nuôi biển dự kiến khoảng 133.156 tấn và 350.000 viên ngọc trai. Trong đó:

- Nuôi lồng bè: số lồng nuôi 6.118 lồng, sản lượng 20.000 tấn.

- Nuôi nhuyễn thể: diện tích 24.950 ha, sản lượng 113.156 tấn (bao gồm: hến biển 46.156 tấn; sò huyết 30.000 tấn; sò lông, vẹm xanh, nghêu lụa 37.000 tấn; ngọc trai 350.000 viên).

2.2. Mục tiêu đến năm 2030: Tổng sản lượng nuôi biển dự kiến khoảng 207.180 tấn và khoảng 520.000 viên ngọc trai. Trong đó:

- Nuôi lồng bè: 14.000 lồng, trong đó:

+ Lồng nuôi cá truyền thống: 5.300 lồng;

+ Lồng nuôi cá công nghệ cao (CNC): 6.600 lồng;

+ Lồng nuôi thủy sản khác: 2.100 lồng.

- Diện tích mặt nước nuôi lồng khoảng 16.000 ha (nuôi trai ngọc 200 ha), thể tích nuôi lồng khoảng 9.310 nghìn m^3.

- Nuôi nhuyễn thể: Tổng diện tích khoảng 26.900 ha.

- Giá trị sản xuất (theo giá HH) đạt khoảng 19.487 tỷ đồng; Giá trị sản xuất (theo giá SS 2010) đạt 15.295 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 là 24,3%/năm.

- Thu hút lao động vào lĩnh vực nuôi biển là 47.680 người.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Luật số 47/2024/QH15 quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Luật số 144/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2026;

- Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/ 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 202 -2030;

- Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3550/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển Nuôi trồng thuỷ sản bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030;

- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

- Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

- Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

IV. BỐ TRÍ CÁC VÙNG NUÔI BIỂN

1. Bố trí nuôi vùng hải đảo

a) Đặc khu Phú Quốc

- Bố trí nuôi lồng bè ở khu phố Rạch Vẹm Gành Dầu và khu phố Chuồng Vích Gành Dầu; khu phố Rạch Tràm Bãi Thơm; khu phố 2 An Thới, khu phố 5 An Thới; nuôi trai ngọc tập trung ở khu phố Đường Bào Dương Tơ, khu phố Rạch Vẹm Gành Dầu.

- Sắp xếp lồng bè nuôi truyền thống của người dân thành các khu nuôi tập trung, không chồng lấn với khu neo đậu tàu thuyền, không ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, có khoảng cách phù hợp với cảng biển, khu dân cư, cách bờ ít nhất 100m. Bố trí khu vực biển giao cho các doanh nghiệp để nuôi trồng thủy sản tại khu vực biển Gành Dầu có khoảng cách so với bờ ít nhất 500m; các khu vực khác tùy vào điều kiện cụ thể và đối tượng nuôi để bố trí thích hợp.

b) Đặc khu Kiên Hải

- Bố trí nuôi lồng bè ở các địa bàn Lại Sơn, Nam Du, An Sơn, Hòn Tre; nuôi cá lồng công nghệ cao ở quần đảo Nam Du. Ngoài ra, có thể bố trí nuôi các đối tượng thủy sản thích hợp với hình thức nuôi lồng bè (hàu, vẹm xanh, ngọc trai, tôm hùm,…) ở những khu vực nuôi lồng bè; nuôi ốc hương ở những khu vực thích hợp, với quy mô hợp lý, đảm bảo khoảng cách không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác (du lịch, nuôi thủy sản khác,…) để tận dụng tiềm năng, lợi thế của đối tượng này.

- Sắp xếp lồng bè nuôi truyền thống của hộ gia đình, cá nhân vào các khu vực nuôi tập trung đã quy hoạch và được cấp có thẩm quyền cho phép, không chồng lấn với khu neo đậu tàu thuyền, không ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, có khoảng cách phù hợp với cảng biển, khu dân cư, cách bờ ít nhất 100m.

c) Đặc khu Thổ Châu

- Bố trí nuôi lồng bè ở các đảo. Ngoài ra, có thể bố trí nuôi các đối tượng thủy sản thích hợp với hình thức nuôi lồng bè (hàu, vẹm xanh, ngọc trai, tôm hùm,…) ở những khu vực nuôi lồng bè; nuôi ốc hương ở những khu vực thích hợp, với quy mô hợp lý, đảm bảo khoảng cách không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác (quốc phòng, du lịch, nuôi thủy sản khác,…) để tận dụng tiềm năng, lợi thế của đối tượng này.

- Sắp xếp lồng bè nuôi truyền thống của cá nhân vào các khu vực nuôi tập trung đã quy hoạch và được cấp có thẩm quyền cho phép, không chồng lấn với khu neo đậu tàu thuyền, không ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, có khoảng cách phù hợp với cảng biển, khu dân cư, cách bờ ít nhất 100m.

d) Xã Tiên Hải

- Bố trí nuôi lồng bè ở quanh các đảo thuộc quần đảo Hải Tặc, xã Tiên Hải; bố trí nuôi cá lồng công nghệ cao ở quanh các đảo chính của xã đảo Tiên Hải; có thể bố trí nuôi ốc hương, ốc nhảy, rong biển,… ở những khu vực thích hợp, với quy mô hợp lý, đảm bảo khoảng cách không làm ảnh hưởng đến hoạt động khác (du lịch, nuôi thủy sản khác,…) để tận dụng tiềm năng, lợi thế của các đối tượng thủy sản này.

- Sắp xếp lồng bè nuôi truyền thống của hộ gia đình, cá nhân vào các khu vực nuôi tập trung đã quy hoạch và được cấp có thẩm quyền cho phép, không chồng lấn với khu neo đậu tàu thuyền, không ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, có khoảng cách phù hợp với cảng biển, khu dân cư, cách bờ ít nhất 100m.

e) Xã Sơn Hải

- Bố trí nuôi lồng bè ở khu vực quanh đảo Hòn Heo, Hòn Dê, Hòn Ngang, Hòn Thơm, Hòn Nhum, Hòn Đá Lửa, Hòn Đầm Giếng, Hòn Bờ Đập, Hòn Đá Bạc, Hòn Sơn Tế 1, 2, 3,… thuộc xã Sơn Hải. Bố trí nuôi cá lồng truyền thống và lồng bè CNC tập trung ở xã đảo Hòn Nghệ. Có thể bố trí nuôi ốc hương ở những khu vực thích hợp, với quy mô hợp lý, đảm bảo khoảng cách không làm ảnh hưởng đến hoạt động khác (du lịch, nuôi thủy sản khác,…) để tận dụng tiềm năng, lợi thế của đối tượng này.

- Sắp xếp lồng bè nuôi truyền thống của hộ gia đình, cá nhân thành các khu nuôi tập trung, không chồng lấn với khu neo đậu tàu thuyền, không ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, có khoảng cách phù hợp với cảng biển, khu dân cư, cách bờ ít nhất 100m.

f) Xã Hòn Nghệ

- Bố trí nuôi cá lồng truyền thống và lồng bè CNC tập trung ở xã đảo Hòn Nghệ. Có thể bố trí nuôi ốc hương ở những khu vực thích hợp, với quy mô hợp

lý, đảm bảo khoảng cách không làm ảnh hưởng đến hoạt động khác (du lịch, nuôi thủy sản khác,…) để tận dụng tiềm năng, lợi thế của đối tượng này.

- Sắp xếp lồng bè nuôi truyền thống của người dân thành các khu nuôi tập trung, không chồng lấn với khu neo đậu tàu thuyền, không ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, có khoảng cách phù hợp với cảng biển, khu dân cư, cách bờ ít nhất 100m.

2. Bố trí nuôi vùng ven biển

Bố trí nuôi chủ yếu ở các vùng bãi triều kéo dài theo diện tích bãi ven bờ dọc các xã, phường: Vân Khánh, Đông Hưng, Tân Thạnh, Đông Thái, Tây Yên, Vĩnh Thông, Mỹ Thuận, Sơn Kiên, Hòn Đất, Bình Giang, Bình Sơn, Kiên Lương và Tô Châu.

V. DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Việc triển khai thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khoa học công nghệ được đề xuất trong giai đoạn 2026-2030 sẽ là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt các chỉ tiêu của Đề án đưa ra *(Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2*).

VI. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

Tuyên truyền các quy định liên quan đến đăng ký nuôi biển theo Luật Thủy sản năm 2017; Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 02/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản liên quan.

2. Triển khai thực hiện Đề án gắn với áp dụng các quy định của Luật Thủy sản

a) Lập phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển

- Tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản lập dự án nuôi trồng thủy sản trên biển, trừ trường hợp cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản thì lập phương án nuôi trồng thủy sản trên biển theo (quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP).

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển phải đáp ứng các tiêu chí (theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP).

b) Giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản

Việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền và thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15) và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP quy định về thẩm quyền giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

c) Cấp Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè (cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè)

Việc cấp Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè thực hiện đảm bảo đúng theo quy định theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (Điều 21).

3. Bố trí, sắp xếp nghề nuôi biển theo hướng tập trung, bền vững

Hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bố trí, sắp xếp nghề nuôi biển (cá lồng bè, nhuyễn thể, đối tượng khác) theo hướng tập trung, liên kết sản xuất bền vững, gắn với công tác giao khu vực biển, cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè theo quy định của Luật Thủy sản năm 2017, Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

VII. NHIỆM VỤ

Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 (được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 31/12/2020) đã đề ra các nhiệm vụ thực hiện. Một số giải pháp trọng tâm trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Tiếp nhận, xử lý các hồ sơ xin chủ trương giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức khảo sát thực địa, lấy ý kiến của các đơn vị liên quan, tổng hợp báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu khu vực biển (không thu tiền) cho cá nhân sử dụng vào mục đích nuôi biển trong phạm vi quản lý theo thẩm quyền quy định tại Luật Thủy sản và văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Thực hiện công tác cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè cho tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý thuộc thẩm quyền.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có nuôi biển tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến cho người dân biết, thực hiện các quy định về giao khu vực biển, cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè theo Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn.

- Phối hợp hỗ trợ Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có nuôi biển xây dựng, triển khai kế hoạch rà soát bố trí, sắp xếp nghề nuôi nhuyễn thể, cá lồng bè theo hướng tập trung, liên kết sản xuất gắn với công tác cấp mã số nhận diện cơ

sở nuôi, giao khu vực biển và chuyển đổi nghề cho ngư dân khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

- Xây dựng các mô hình nuôi biển ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật; mô hình thực hiện liên kết chuỗi sản xuất, nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế; mô hình nuôi cá lồng bè sử dụng thức ăn công nghiệp dần thay thế thức ăn cá tạp,... theo định hướng phát triển nuôi biển của tỉnh.

- Tổ chức triển khai công tác về kiểm dịch giống thủy sản nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về kiểm dịch, đảm bảo chất lượng giống thủy sản, phục vụ tốt cho nuôi biển phát triển theo hướng bền vững trong giai đoạn 2026-2030, phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy nghề nuôi biển phát triển, tạo sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế biển, tăng thu nhập cho người dân.

- Chủ động tổ chức tốt công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản và tăng cường nâng lực chẩn đoán xét nghiệm bệnh thủy sản nhằm chủ động kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh trên động vật thủy sản, giảm thiểu rủi ro, bảo vệ môi trường vùng nuôi, từ đó nâng cao năng suất, sản lượng, đóng góp giá trị tăng trưởng ngành, đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển thủy sản bền vững.

- Thẩm định các dự án đồng quản lý nguồn lợi giống thủy sản tự nhiên, nuôi nhuyễn thể, nuôi cá lồng bè trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường, phòng chống dịch bệnh trong vùng nuôi biển.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển, bảo vệ môi trường,… của tổ chức, cá nhân; kiểm tra chặt chẽ nguồn nước xả thải ra biển; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp thực hiện các đề tài, dự án thuộc Danh mục các dự án, đề tài đầu tư nuôi biển tỉnh An Giang thời kỳ 2026-2030 được giao theo Đề án; nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân, biện pháp phòng tránh một số hiện tượng gây hại cá nuôi lồng bè: sinh vật "lạ", tảo "nở hoa", ...

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án; tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

VIII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Để triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả mục tiêu, nội dung, giải pháp được nêu trong Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ đối với các phòng, đơn vị trực thuộc như sau:

1. Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư

- Chủ trì tham mưu Sở có ý kiến đối với phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn của Sở, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có nuôi biển tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến cho người dân biết, thực hiện các quy định về các thủ tục nuôi biển, cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè theo Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn.

- Phối hợp với đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký nuôi biển, giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản và cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè để đảm bảo sự đồng bộ và thuận tiện cho người dân thực hiện.

- Phối hợp hỗ trợ UBND xã, phường, đặc khu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bố trí, sắp xếp nghề nuôi biển (cá lồng bè, nhuyễn thể, đối tượng khác) theo hướng tập trung, liên kết sản xuất bền vững, gắn với công tác giao khu vực biển theo quy định.

- Thẩm định các dự án đồng quản lý nguồn lợi giống thủy sản tự nhiên, nuôi nhuyễn thể, nuôi cá lồng bè trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án; tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

2. Chi cục Biển và Hải đảo

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu khu vực biển (không thu tiền) cho cá nhân sử dụng vào mục đích nuôi biển trong phạm vi quản lý theo thẩm quyền quy định tại Luật Thủy sản và văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển của tổ chức, cá nhân; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có nuôi biển để tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến cho người dân biết, thực hiện các quy định về giao khu vực biển.

3. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

- Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới phòng chống dịch bệnh trong vùng nuôi biển theo Đề án được phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm dịch giống thủy sản nuôi biển; tổ chức giám sát chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên thủy sản nuôi, nhằm kịp thời phát hiện, hướng dẫn người dân biện pháp phòng trị, xử lý ổ dịch theo quy định, phù hợp thực tiễn sản xuất. Đề xuất công bố dịch, triển khai chính sách hỗ trợ thiệt hại khôi phục sản xuất vùng nuôi biển bị thiên tai, dịch bệnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện Chương trình tăng cường năng lực chẩn đoán và phòng ngừa dịch bệnh trong các khu nuôi biển thuộc

Danh mục các dự án, đề tài đầu tư nuôi biển tỉnh thời kỳ 2026 - 2030 được giao, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng. Nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân, biện pháp phòng tránh một số hiện tượng gây hại cá nuôi lồng bè: sinh vật "lạ", tảo "nở hoa".

- Tổ chức triển khai công tác về kiểm dịch giống thủy sản nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về kiểm dịch, đảm bảo chất lượng giống thủy sản, phục vụ tốt cho nuôi biển phát triển theo hướng bền vững trong giai đoạn 2026 - 2030, phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy nghề nuôi biển phát triển, tạo sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế biển, tăng thu nhập cho người dân.

- Chủ động tổ chức tốt công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản và tăng cường năng lực chẩn đoán xét nghiệm bệnh thủy sản nhằm chủ động kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh trên động vật thủy sản, giảm thiểu rủi ro, bảo vệ môi trường vùng nuôi, từ đó nâng cao năng suất, sản lượng, đóng góp giá trị tăng trưởng ngành, đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển thủy sản bền vững.

4. Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng

Phối hợp Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, hỗ trợ người dân thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi biển; lồng ghép các nguồn lực nâng cao năng lực hoạt động cho tổ hợp tác, hợp tác xã về kinh doanh, hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm.

5. Trung tâm Khuyến nông

- Xây dựng kế hoạch triển khai các mô hình khuyến nông thúc đẩy nuôi biển giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030. Trong đó, ưu tiên mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về vật liệu mới (kết cấu lồng bè nhựa HDPE, lồng lưới chịu lực,...), sử dụng thiết bị máy móc phụ trợ, chiếu sáng trên bè bằng năng lượng mặt trời; mô hình thực hiện liên kết chuỗi sản xuất, nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế; mô hình nuôi cá lồng bè sử dụng thức ăn công nghiệp dần thay thế thức ăn cá tạp,... theo định hướng phát triển nuôi biển của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các đề tài, dự án thuộc Danh mục các dự án, đề tài đầu tư nuôi biển tỉnh thời kỳ 2026 - 2030 được giao, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng.

6. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Phối hợp các đơn vị trực thuộc Sở tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 17/6/2021 và Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 02/4/2026 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đến các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có liên quan biết, tổ chức thực hiện.

- Phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Lãnh đạo Sở tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển thủy sản đối với tổ chức, cá nhân đầu tư nuôi biển theo quy định.

- Phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu tổ chức triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi biển tỉnh An Giang thời kỳ 2026-2030 được giao trong Đề án, đảm bảo tiến độ, chất lượng.

7. Chế độ báo cáo định kỳ và giải quyết khó khăn, vướng mắc

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 30/11 hàng năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư), để tổng hợp tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị trực thuộc Sở phản ánh kịp thời qua Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư để tổng hợp, trình Lãnh đạo Sở xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 02/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030 của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ngành cấp tỉnh (p/h);
- GĐ và các PGĐ Sở;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính (t/h);
- Các Chi cục: Thủy sản và Kiểm ngư, Biển và Hải đảo, Chăn nuôi và Thú y, Phát triển nông thôn và QLCL (t/h);
- Trung tâm Khuyến nông (t/h);
- Hiệp hội Thủy sản tỉnh (p/h);
- UBND xã, phường, đặc khu có nuôi biển (p/h);
- Website Sở;
- Lưu: VT, CCTSKN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Quách Văn Toàn

PHỤ LỤC 1

Phân công thực hiện các chương trình, dự án phục vụ nuôi biển thời kỳ 2026-2030

(kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Tham mưu, thực hiện	Ghi chú
1	Dự án đầu tư xây dựng khu sản xuất giống nhuyễn thể tập trung	Xã Kiên Lương, xã Sơn Hải, phường Tô Châu,	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
2	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ các vùng nuôi biển tập trung trên địa bàn tỉnh	Các khu nuôi lồng bè tập trung	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
3	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các cảng cá kết hợp công tác hậu cần, logistic cho nuôi biển trên địa bàn tỉnh	Cảng cá Nam Du, Hòn Ngang, An Thới, Thổ Châu, Gành Dầu, Ba Hòn	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	Lồng ghép các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thủy sản
4	Bố trí, sắp xếp lồng bè nuôi biển theo đề án, kế hoạch	Các khu nuôi lồng bè	UBND các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	Theo Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh An Giang
5	Dự án đồng quản lý nguồn lợi giống nhuyễn thể	Quần đảo Bà Lụa, xã Sơn Hải, xã Kiên Lương	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	
6	Dự án quản lý dựa vào cộng đồng của người dân nuôi thủy sản lồng bè trên địa bàn tỉnh An Giang	Các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	
7	Chương trình đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người nuôi và cán bộ quản lý nuôi biển tỉnh An Giang	Các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Tham mưu, thực hiện	Ghi chú
8	Chương trình tăng cường năng lực chẩn đoán và phòng ngừa dịch bệnh trong các khu nuôi biển tỉnh An Giang	Các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	
9	Phát triển sản phẩm thủy sản đặc sản địa phương đạt OCOP tạo thương hiệu riêng và vững chắc của từng vùng	Các khu nuôi biển tập trung của tỉnh	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	Nguồn OCOP từ Chương trình nông thôn mới
10	Đề án xúc tiến thương mại và phát triển thị trường nuôi biển tỉnh An Giang	Các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	Lồng ghép Đề án chung của đơn vị đang thực hiện
11	Chương trình/Đề án thực hiện các mô hình khuyến nông thúc đẩy nuôi biển theo hướng bền vững	Các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	Trung tâm Khuyến nông	
12	Xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp, bố trí nghề nuôi thuỷ sản lồng bè gắn với giao khu vực biển và cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi.	Các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	UBND các xã, phường, đặc khu có nuôi biển	Theo Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh

Phụ lục 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NUÔI BIỂN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ KHCN đề xuất thực hiện	Đơn vị chủ trì/đề xuất	Ghi chú
1	Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi sò huyết thương phẩm tại tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
2	Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi ốc hương thương phẩm tại tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
3	Ứng dụng chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi tôm tít thương phẩm tại tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
4	Ứng dụng chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi tôm hùm xanh thương phẩm tại tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
5	Nghiên cứu sản xuất giống và xây dựng mô hình nuôi mực trứng thương phẩm tại An Thới, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
6	Nghiên cứu sản xuất giống và xây dựng mô hình nuôi ghẹ xanh thương phẩm tại Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
7	Nghiên cứu sản xuất giống và xây dựng mô hình nuôi cầu gai thương phẩm tại đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
8	Ứng dụng và nhân rộng mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng lồng tròn HDPE tại tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	
9	Nghiên cứu nuôi thử nghiệm ghẹ xanh trong lồng bè tại tỉnh An Giang	Trung tâm Khuyến nông	

STT	Nhiệm vụ KHCN đề xuất thực hiện	Đơn vị chủ trì/đề xuất	Ghi chú
10	Phân tích chuỗi giá trị và đề xuất các giải pháp phát triển nuôi cá biển bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	
11	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (trí tuệ nhân tạo) xây dựng cơ sở dữ liệu về nuôi biển phục vụ công tác quản lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	

***(Ghi chú:** Căn cứ vào tình hình thực tiễn và yêu cầu phát sinh, các đơn vị đề xuất bổ sung các nhiệm vụ khoa học - công nghệ hàng năm)*